

Bản án số: 244/2018/DS-PT
Ngày: 10 - 10 - 2018
V/v tranh chấp đòi lại tiền cọc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương;

Bà Phạm Thị Liên Hiệp.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Tài – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 10/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2018/TLPT-DS ngày 27/3/2018 về Tranh chấp đòi lại tiền cọc;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 253/2018/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngô Thanh B, sinh năm 1976;

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền:

Phạm Tím E, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện T, tỉnh A (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/9/2018).

- Bị đơn: Nguyễn Minh N, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn A, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền:

Dương Hoàng V, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số nhà 249, ấp C, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/6/2016).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Huỳnh Minh C, sinh năm 1975 (Vắng mặt);
2. Huỳnh Văn T, sinh năm 1974 (Vắng mặt);
3. Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1975;
4. Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1978;
5. Nguyễn Văn T3, sinh năm 1987 (Vắng mặt);
6. Nguyễn Văn Bé N1, sinh năm 1987 (Vắng mặt);
7. Đỗ Văn T4, sinh năm 1983 (Vắng mặt);
8. Nguyễn Văn K, sinh năm 1971 (Vắng mặt);
9. Dương Văn T5, sinh năm 1971 (Vắng mặt);
10. Nguyễn Thanh T6, sinh năm 1979 (Vắng mặt);
11. Nguyễn Văn V1, sinh năm 1977;
12. Nguyễn Hoàng N2, sinh năm 1979;
13. Nguyễn Văn N3, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Khóm 4, thị trấn A, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

14. Phạm Văn L, sinh năm 1966;

Đại chỉ: Ấp 4, xã Đ, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Minh N là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn anh Ngô Thanh B trình bày:*

Anh được anh Phạm Văn L (Cò lúa) giới thiệu mua diện tích 116 công lúa của nông dân với giá 6.500đ/kg. Anh Nguyễn Minh N là người đại diện đứng ra ký hợp đồng mua bán với anh. Anh có đưa cho anh N 24.000.000đ tiền cọc. Hợp đồng thỏa thuận 10 giờ ngày 18/4/2016 AL sẽ tiến hành cắt lúa đến ngày 19/4/2016 AL anh sẽ cân lúa. Đến ngày 18/4/16 AL anh có đem 02 chiếc ghe đậu gần bãi lúa để chở lúa. Trong ngày hôm đó máy mới cắt được khoảng 20 công thì trời mưa nên máy ngưng cắt. Qua ngày 19/4/2016 AL máy tiếp tục cắt đến 18 giờ 30 phút mới cắt xong. Trong ngày 19/4/2016 AL anh có đến xem lúa, thấy lúa dơ nên anh có điện thoại cho anh L và anh N kêu nông dân bớt 200đ/kg. Sau đó anh L nói nông dân không bớt. Anh có nói với anh L nếu không bớt thì anh vẫn lên cân lúa. Anh điện thoại trực tiếp cho anh N vào khoảng 18 giờ 30 phút thì anh N nói để bàn với mấy người kia xem sao rồi trả lời cho anh biết, nhưng anh N không trả lời. Khoảng 30 phút sau anh điện thoại lại thì anh N tắt máy không liên lạc được. Khoảng 20 giờ ngày 19/4/2016 AL anh L mới điện thoại lại cho anh và nói là anh phải cân lúa trong thời gian từ giờ đến 0 giờ ngày 19/4/2016 nếu không cân lúa thì bà con nông dân bán cho người khác. Anh có nói lại là trời tối không có công đoàn (nhân công) để cân lúa nên xin để sáng 20/4/2016 lên cân sớm. Đến sáng 20/4/2016 AL anh lên cân lúa thì anh N không đồng ý. Anh N nói lúa đã bán cho người khác. Anh có nói với anh N nếu không cho cân lúa thì trả tiền cọc lại cho anh, nhưng anh N cũng không đồng ý. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Minh N trả lại cho anh 20.000.000đ tiền đặt cọc, 4.000.000đ còn lại anh không yêu cầu.

- Bị đơn Anh Nguyễn Minh N trình bày:

Anh thừa nhận có hợp đồng mua bán lúa tươi với anh Ngô Thanh B (lúa thơm nút) giá 6.500đ/kg, số lượng 116 công. Anh có nhận 24.000.000đ tiền đặt cọc của anh B. Hai bên thỏa thuận cắt lúa vào ngày 18/4/2016 AL, giao lúa vào ngày 19/4/2016 AL. Đến ngày 18/4/2016 AL bà con nông dân cắt được gần 40 công thì trời mưa nên không cắt được. Vì vậy, ngày hôm sau 19/4/ 2016 cắt tiếp.

Khoảng 15 giờ 30 ngày 19/4/2016 anh B có nói lúa này dơ quá không mua được, rồi anh B bỏ về. Khoảng 30 phút sau anh B có nhờ anh L gọi điện thoại cho anh xin bớt 200đ/kg nhưng bà con nông dân không đồng ý bớt. Đến 18 giờ 30 phút ngày 19/4/2016 cắt lúa xong nhưng không thấy anh B đến cân lúa nên anh điện thoại cho anh L hỏi sao không thấy anh B cân lúa. Khoảng 5

phút sau anh L gọi điện thoại lại nói là anh B bỏ cọc rồi kêu người khác bán đi. Sau đó, anh có trình báo cho ông N là trưởng Khóm 1, ông N nói bán lúa cho ai thì bán. Từ khoảng 22 giờ đến 0 giờ ngày 19/4/2016 bà con nông dân đã bán cho lúa cho người khác. Do đó, anh không đồng ý trả cho anh B 20.000.000 đồng tiền đặt cọc.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ *Anh Phạm Văn L trình bày:*

Anh có giới thiệu cho anh Ngô Thanh B đến mua lúa của anh Nguyễn Minh N, ngụ tại Khóm 4, thị trấn A, huyện M diện tích 116 công lúa với giá 6.500đ/kg. Anh B có đưa cho anh N 24.000.000 đồng tiền cọc và hai bên có làm hợp đồng. Ngày 18/4/2016 AL cắt lúa và ngày 19/4/2016 AL nhận lúa. Khoảng 11 giờ ngày 19/4/2016 anh B có điện thoại cho anh nói lúa dơ và yêu cầu anh N bớt 200đ/kg. Anh có điện thoại cho anh N nói lúa dơ bớt 200đ/kg. Anh N nói để bàn bạc với bà con nông dân rồi cho hay. Khoảng 15 phút sau anh có điện thoại cho anh N hỏi bớt không, anh N trả lời là không bớt. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày anh N có điện thoại cho anh nói lúa cắt rồi có cân hay không trả lời cho anh N biết. Anh điện thoại cho anh B, anh B trả lời để bàn lại một chút rồi cho hay. Khoảng 16 giờ anh N điện thoại hỏi anh B trả lời chưa, anh nói chờ một chút cho hay và anh điện thoại cho anh B, anh B nói nếu không bớt thì anh B bỏ cọc. Anh N có điện thoại hỏi anh, anh nói bên anh B bỏ cọc rồi. Đến khoảng 18 giờ ngày 19/4/2016 anh B điện cho anh nói lên lấy lúa, anh điện cho anh N nói là anh B lên lấy lúa, anh N trả lời lên đây mà lấy.

+ *Anh Huỳnh Minh C, Huỳnh Văn T, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn Bé N1, Đỗ Văn T4, Nguyễn Văn K, Dương Văn T5, Nguyễn Thanh T6, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Hoàng N2 và Nguyễn Văn N3 cùng trình bày:*

Các anh có nhận số tiền cọc do anh N đưa tương ứng với số đất của các anh trong diện tích 116 công. Các anh không đồng ý trả lại số tiền cọc đã nhận cho anh N để anh N trả lại cho anh B. Vì anh N nói anh B đã bỏ cọc nên các anh mới bán lúa cho người khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2018/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M đã tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

- Chấp nhận yêu cầu của anh Ngô Thanh B.

Buộc anh Nguyễn Minh N có nghĩa vụ trả cho anh Ngô Thanh B số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; quyền và thời hạn kháng cáo; quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/02/2018 anh Nguyễn Minh N làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo của mình, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung giải quyết của vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa không chấp hành đúng theo giấy triệu tập của Tòa án.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Minh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Vào ngày 18/4/2016 AL nhằm ngày 24/5/2016 DL giữa anh Ngô Thanh B và anh Nguyễn Minh N có ký kết hợp đồng mua lúa tươi giống thơm nút, giá 6.500đ/kg, số lượng là 116 công. Máy cắt vào lúc 10 giờ ngày 18/4/2016 AL và ngày nhận lúa là ngày 19/4/2016 AL. Anh B có đưa cho anh N nhận tiền cọc là 24.000.000 đồng. Theo hợp đồng thì ngày 18/4/2016 AL là ngày cắt lúa, còn ngày 19/4/2016 AL là ngày cân lúa. Do ngày 18/4/2016 AL trời mưa nên máy không cắt hết diện tích 116 công, mà chỉ cắt được khoảng 40 công. Đến ngày 19/4/2016 AL cắt tiếp diện tích lúa còn lại đến khoảng 18 giờ 30 phút thì xong. Căn cứ vào lời khai của anh L vào khoảng 19 giờ ngày 19/4/2016 anh B

có điện cho anh yêu cầu được cân lúa. Điều này thể hiện anh B không bỏ cọc mà vẫn tiếp tục thực hiện hợp đồng. Việc anh B không cân lúa được vào ngày 19/4/2016 AL là do khách quan (ngày hôm trước trời mưa lúa cắt chưa xong, khi cắt xong lúa thì trời tối không có nhân công vận chuyển lúa). Tại phiên Tòa sơ thẩm anh L khẳng định sau khi anh B nói bỏ cọc, thì khoảng 30 phút sau anh B có điện lại cho anh nói là anh B lên cân lúa và anh cũng có nói lại việc này cho anh N biết và anh N có nói lên đây mà lấy.

Từ đó, cho thấy việc anh B không cân lúa đúng hợp đồng là do yếu tố khách quan. Anh B không vi phạm hợp đồng nên việc anh B yêu cầu anh N trả lại 20.000.000đ là có căn cứ.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu của anh B là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Minh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 91, Điều 147, Điều 148, Điều 228, 4 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 328 Bộ luật dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Minh N.
 2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện M.
- Đình chỉ một phần yêu cầu của anh Ngô Thanh B.
 - Chấp nhận yêu cầu của anh Ngô Thanh B.

Buộc anh Nguyễn Minh N có nghĩa vụ trả cho anh Ngô Thanh B 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền cọc.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

- Về án phí:

+ Anh Ngô Thanh B được nhận lại 600.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 06975 ngày 05/10/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M.

+ Anh Nguyễn Minh N phải chịu 1.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm và được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 01899 ngày 02/3/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M. Anh N phải nộp tiếp 1.000.000đ.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện M;
- CCTHADS huyện M;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA

Bùi Văn Phương – Phạm Thị Liên Hiệp

Sỹ Danh Đạt